

Số: 08/TB-HĐTS ĐHCQ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2025

## THÔNG BÁO

**Ngưỡng đảm bảo chất lượng của  
Phương thức dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025 (PT2)  
và Phương thức dựa vào kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2025 (PT3)**

Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng của Phương thức dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025 (PT2) và Phương thức dựa vào kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2025 (PT3) như sau:

**1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng chung của Phương thức 2 và Phương thức 3 như sau:**

| STT | Mã ngành xét tuyển | Tên ngành/nhóm ngành, chương trình                                                                        | Tổng chỉ tiêu 2025 | Mức điểm nhận ĐKXT Phương thức 2 (tính cả điểm cộng và điểm ưu tiên) | Mức điểm nhận ĐKXT Phương thức 3 (tính cả điểm cộng và điểm ưu tiên) |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1   | 7420101            | Sinh học                                                                                                  | 200                | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 2   | 7420101_DKD        | Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)                                                              | 80                 | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 3   | 7420201            | Công nghệ Sinh học                                                                                        | 200                | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 4   | 7420201_DKD        | Công nghệ Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)                                                    | 140                | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 5   | 7440102_DKD        | Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)                                                            | 120                | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 6   | 7440102_NN         | Nhóm ngành Vật lý học (CT: 150), Công nghệ Vật lý điện tử và tin học (CT: 60), Công nghệ bán dẫn (CT: 60) | 270                | 18; (CN Bán dẫn là 24)                                               | 700; (CN Bán dẫn là 850)                                             |
| 7   | 7440112            | Hoá học                                                                                                   | 220                | 18                                                                   | 700                                                                  |

| STT | Mã ngành xét tuyển | Tên ngành/nhóm ngành, chương trình                                                                                         | Tổng chỉ tiêu 2025 | Mức điểm nhận ĐKXT Phương thức 2 (tính cả điểm cộng và điểm ưu tiên) | Mức điểm nhận ĐKXT Phương thức 3 (tính cả điểm cộng và điểm ưu tiên) |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 8   | 7440112_DKD        | Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)                                                                                | 130                | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 9   | 7440122            | Khoa học Vật liệu                                                                                                          | 150                | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 10  | 7440122_DKD        | Khoa học Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh)                                                                      | 50                 | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 11  | 7440201_NN         | Nhóm ngành Địa chất học (CT: 40), Kinh tế đất đai (CT: 50)                                                                 | 90                 | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 12  | 7440228            | Hải dương học                                                                                                              | 50                 | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 13  | 7440301            | Khoa học Môi trường                                                                                                        | 135                | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 14  | 7440301_DKD        | Khoa học Môi trường (Chương trình tăng cường tiếng Anh)                                                                    | 60                 | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 15  | 7460101_NN         | Nhóm ngành Toán học (Toán học, Toán ứng dụng, Toán tin)                                                                    | 250                | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 16  | 7460108_NN         | Nhóm ngành Khoa học dữ liệu (CT:80), Thống kê (CT:40)                                                                      | 120                | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 17  | 7480101_TT         | Khoa học máy tính (Chương trình Tiên tiến)                                                                                 | 90                 | 20                                                                   | 780                                                                  |
| 18  | 7480107            | Trí tuệ nhân tạo                                                                                                           | 90                 | 20                                                                   | 780                                                                  |
| 19  | 7480201_DKD        | Công nghệ thông tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh)                                                                    | 520                | 20                                                                   | 780                                                                  |
| 20  | 7480201_NN         | Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính) | 480                | 20                                                                   | 780                                                                  |
| 21  | 7510401_DKD        | Công nghệ kỹ thuật Hoá học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)                                                             | 125                | 18                                                                   | 700                                                                  |

| STT | Mã ngành xét tuyển | Tên ngành/nhóm ngành, chương trình                                | Tổng chỉ tiêu 2025 | Mức điểm nhận ĐKXT Phương thức 2 (tính cả điểm cộng và điểm ưu tiên) | Mức điểm nhận ĐKXT Phương thức 3 (tính cả điểm cộng và điểm ưu tiên) |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 22  | 7510402            | Công nghệ Vật liệu                                                | 150                | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 23  | 7510406            | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường                                     | 125                | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 24  | 7520207            | Kỹ thuật điện tử - viễn thông                                     | 140                | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 25  | 75202a1            | Thiết kế vi mạch                                                  | 80                 | 24                                                                   | 850                                                                  |
| 26  | 7520207_DKD        | Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh) | 100                | 20                                                                   | 780                                                                  |
| 27  | 7520402            | Kỹ thuật hạt nhân                                                 | 50                 | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 28  | 7520403            | Vật lý y khoa                                                     | 50                 | 18                                                                   | 700                                                                  |
| 29  | 7520501            | Kỹ thuật địa chất                                                 | 30                 | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 30  | 7850101            | Quản lý tài nguyên và môi trường                                  | 100                | 16                                                                   | 600                                                                  |
| 31  | 7140103            | Công nghệ giáo dục                                                | 60                 | 16                                                                   | 600                                                                  |

*\*Lưu ý: Ngưỡng đảm bảo chất lượng như trên không phải là quy đổi tương đương.*

2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đối với ngành Thiết kế vi mạch, ngành Công nghệ bán dẫn

a) Đối với phương thức 2: Ngoài yêu cầu chung tại khoản 1 thông báo này, đối với thí sinh đăng ký vào ngành Thiết kế vi mạch, ngành Công nghệ bán dẫn theo Quy định 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2025 của Bộ GDĐT về Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ, ngưỡng đảm bảo chất lượng của thí sinh khi đăng ký phải đạt thêm các điều kiện như sau: Thí sinh cần điểm môn Toán trong tổ hợp xét tuyển từ 8,0 trở lên và tổng điểm 03 môn xét tuyển đạt tổng điểm từ 24,0 trở lên.

b) Đối với phương thức 3: Ngoài yêu cầu chung tại khoản 1 thông báo này, đối với thí sinh đăng ký vào ngành Thiết kế vi mạch, ngành Công nghệ bán dẫn theo Quy định

1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2025 của Bộ GDĐT về Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ, ngưỡng đảm bảo chất lượng của thí sinh khi đăng ký phải đạt thêm các điều kiện như sau:

- Thí sinh có điểm trung bình cộng môn Toán 03 năm lớp 10, 11, 12 từ 8,0 trở lên theo thang 10.
- Đạt mức điểm đánh giá năng lực khi quy đổi sang điểm THPT 2025 tương ứng từ 24,0 điểm trở lên theo quy định của ĐHQG-HCM. 

**Nơi nhận:**

- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Các bên liên quan (để thực hiện);
- Lưu: ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG**  
**Trần Lê Quan**